

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 16-8-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai Anh

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đình Cải

Ông Lê Quang Bảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 06-8-2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Lê Tiến K, sinh năm 1958

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960

Cùng cư trú tại: Số nhà 50 đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định

**- Bị đơn:**

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1987

2. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1987

Cùng cư trú tại: Số nhà 765 đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

**- Người làm chứng:** Ông Trần Tuấn D, sinh năm 1962, nơi cư trú: Ngõ 196 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H, chị Trần Thị Thu H, anh Nguyễn Trọng T có mặt; ông Trần Tuấn D có đơn xin xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21-5-2018, bản tự khai ngày 24-6-2016 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H trình bày:

Năm 2015 vợ chồng chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Trọng T có hỏi vay vợ chồng ông bà số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Vì là chỗ quan hệ tình cảm gia đình (chị H là cháu ruột bà H) nên ông, bà đã thế chấp căn nhà số 50 đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định là nhà của ông, bà để cho vợ chồng chị H và anh T vay. Sau khi vay được tiền Ngân hàng, ông, bà đã cho chị H và anh T vay 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Chị H và anh T có viết giấy vay tiền ngày 11-12-2015 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ: Khi nào ông bà cần đòi tiền thì báo chị H, anh T trước một tháng. Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận tiền lãi, tuy nhiên giữa vợ chồng ông bà và anh T, chị H có thỏa thuận bằng miệng mỗi tháng vợ chồng anh chị T, H phải trả cho vợ chồng ông bà là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền lãi cho đến khi trả xong nợ. Theo đó, số tiền lãi anh T, chị H đã trả cho ông, bà như sau:

- Tháng 01-2016: 20.000.000 đồng.
- Tháng 02-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 02-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 3-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 4-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 5-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 6-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 7-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 8-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 9-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 10-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 11-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 12-2016: 15.000.000 đồng
- Tháng 01-2017: 15.000.000 đồng
- Tháng 02-2017: 15.000.000 đồng
- Tháng 3-2017: 15.000.000 đồng
- Tháng 4-2017: 5.000.000 đồng.
- Tháng 5-2017: 5.000.000 đồng
- Tháng 6-2017: Không trả.

- Tháng 7-2017: 5.000.000 đồng
- Tháng 8-2017: 4.000.000 đồng.
- Tháng 9-2017: 10.000.000 đồng.
- Tháng 10-2017: 15.000.000 đồng.
- Tháng 11- 2018: 5.000.000 đồng.
- Tháng 12-2018: 5.000.000 đồng.
- Tháng 01-2018: 5.000.000 đồng
- Tháng 02-2018: 3.000.000 đồng.
- Tháng 3-2018: 4.000.000 đồng.
- Tháng 4-2018: 28.000.000 đồng.
- Tháng 5-2018: 28.000.000 đồng

Tháng 6-2017 do anh T và chị H không trả tiền lãi cho ông bà theo thỏa thuận nên ông, bà đã có đơn đề nghị công an phường L, thành phố N giải quyết để buộc anh T, chị H phải trả cho ông bà số tiền nợ là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Ông K, bà H yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và trả số tiền nợ lãi còn thiếu tính đến tháng 5-2018 là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng). Ông bà xác nhận tháng 4-2018 và tháng 5-2018 mỗi tháng anh T và chị H đã trả cho ông bà 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, tổng cộng là đã trả được 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa, Ông K và bà H thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Trọng T và chị Trần Thị Thu H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc còn thiếu và phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật. Thời điểm yêu cầu anh T, chị H phải trả tiền lãi là từ ngày 01-8-2017 đến tháng ngày 31-7-2018. Ngoài ra ông K, bà H còn yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị H phải chịu nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H thống nhất trình bày: Tại giấy vay tiền ngày 11-12-2015 bên cho vay và bên vay không thỏa thuận lãi suất. Số tiền chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Trọng T đã trả cho ông, bà là trả tiền nợ gốc. Tháng 6-2017 ông, bà đã đòi vợ chồng anh T, chị H trả cho ông, bà số tiền nợ gốc nhưng anh, chị không có khả năng trả nợ nên ông, bà đã làm đơn đề nghị công an phường L, thành phố N giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31-5-2018, chị Trần Thị Thu H trình bày:

Giấy vay tiền ngày 11-12-2015 do chị viết. Nhưng thực tế số tiền vợ chồng chị vay ông K, bà H là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), số tiền này chị lấy từ bố

để chị là ông Trần Tuấn D. Từ tháng 01-2016 giữa chị và ông K, bà H có thỏa thuận về lãi suất hàng tháng, theo đó vợ chồng chị có bao nhiêu thì trả lãi bấy nhiêu chứ không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Về số tiền lãi và số tiền gốc chị đã trả cho ông K, bà H như trong đơn khởi kiện chị nhất trí.

Nay ông K, bà H yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) chị không nhất trí. Chị xác nhận vợ chồng chị đã trả được 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, còn nợ số tiền gốc là 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng). Phương thức trả nợ: Từ tháng 7-2018 mỗi tháng vợ chồng chị sẽ trả cho ông K, bà H từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tiền lãi: sẽ trả mỗi tháng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

Tại biên bản hòa giải ngày 16-7-2018, chị H thừa nhận vợ chồng chị có nợ ông K, bà H là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) như trong giấy vay tiền ngày 11-12-2015 và không thỏa thuận tiền lãi vì giấy vay tiền không thỏa thuận tiền lãi. Đến tháng 5-2018 anh chị đã trả được 352.000.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu đồng) tiền nợ gốc, chỉ còn nợ 1.148.000.000 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu đồng). Phương thức trả nợ: Mỗi tháng vợ chồng chị sẽ trả cho ông K, bà H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thu H trình bày nhất trí về số tiền nợ gốc như ông K, bà H đã trình bày và không nhất trí yêu cầu của ông K, bà H đòi vợ chồng chị phải trả lãi, lý do tại giấy vay tiền ngày 11-12-2015 hai bên không thỏa thuận tiền lãi. Vì vợ chồng chị có khó khăn trong kinh tế nên chị đề nghị được trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 31-5-2018, anh Nguyễn Trọng T trình bày:

Về số tiền vay ông K, bà H, anh thống nhất như trình bày của chị Trần Thị Thu H là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Về việc thỏa thuận tiền lãi anh không biết vì chị H là người thỏa thuận bằng miệng với ông K, bà H.

Tại biên bản hòa giải ngày 16-7-2018, anh Nguyễn Trọng T thống nhất như lời trình bày của chị H trong biên bản hòa giải.

Tại phiên tòa, anh T thống nhất như lời trình bày của chị H.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08-6-2018, người làm chứng là ông Trần Tuấn D khai: Thực tế anh T, chị H không vay của ông K, bà H số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) mà chỉ vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), số tiền vay này do ông chuyển cho chị H. Nguồn gốc số tiền vay này do thời gian trước đó ông K, bà H đưa cho anh để cho người khác vay lấy lãi. Nay ông K, bà H khởi kiện yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) ông thấy không đúng sự thật. Việc giải quyết số

tiền vay nợ do ông K, bà H, anh T, chị H tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ tại công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định và công an thành phố Nam Định.

Tại công văn số 43/CV-CAP ngày 20-6-2018, công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định cung cấp: Tháng 6-2017, ông K, bà H đã đến công an phường trình báo việc có cho vợ chồng chị H, anh T vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) từ năm 2015 nhưng đến hạn không trả được nợ. Công an phường đã hướng dẫn ông K, bà H giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền.

Tại biên bản làm việc ngày 05-4-2018 và ngày 03-5-2018 tại công an thành phố Nam Định, thể hiện: Ông K, bà H trình bày về số tiền cho anh T, chị H vay là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và thỏa thuận tiền lãi hàng tháng anh T, chị H phải trả là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) một tháng. Anh T, chị H trình bày số tiền vay ông K, bà H là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). PH thức trả nợ: Mỗi tháng anh T, chị H sẽ trả ông K, bà H từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tiền lãi cho đến khi trả xong nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H. Buộc vợ chồng anh T, chị H phải thanh toán cho ông K, bà H số tiền nợ gốc là 1.255.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) cùng tiền lãi đối với số tiền chậm trả 1.255.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) tính từ 01-8-2017 đến 31-7-2018 với mức lãi suất 10%/năm, được trừ với số tiền 107.000.000 đồng (một trăm linh bảy triệu đồng) mà chị H, anh T đã trả từ tháng 8-2017 đến tháng 5-2018 và lãi chậm thi hành án theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21-5-2018, ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H yêu cầu chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Trọng T phải trả toàn bộ tiền nợ gốc theo giấy vay nợ ngày 11-12-2015 và tiền lãi; Căn cứ vào giấy vay tiền 11-12-2015 mà hai bên đã thừa nhận, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H và chị Trần Thị Thu H, anh Nguyễn Trọng T.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Xác định loại Hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền ngày 11-12-2015 không ghi thời hạn trả nợ, bên cho vay khi muốn đòi số tiền cho vay phải báo cho bên vay trước một tháng. Nội dung giấy vay tiền không thể hiện bên cho vay và bên vay có thỏa thuận về tiền vay có lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H thừa nhận Hợp đồng vay không có lãi. Xét nội dung và hình thức giấy vay tiền ngày 11-12-2015 phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác nhận giấy vay tiền ngày 11-12-2015 giữa bên cho vay là ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H và bên vay là anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Năm 2015 anh Nguyễn Trọng T và chị Trần Thị Thu H có vay của vợ chồng ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), thể hiện ở giấy vay tiền ngày 11-12-2015 do chị H viết, có chữ ký của chị H và anh T. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, đầu năm 2017 ông K, bà H đã đòi tiền vay nhưng anh T, chị H không có khả năng trả. Đến tháng 6-2017 ông K, bà H đã đòi số tiền cho vay nhưng anh T, chị H không có khả năng trả nợ nên ông K, bà H đã làm đơn yêu cầu công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định giải quyết. Đến trước thời điểm ông K, bà H khởi kiện, anh T, chị H vẫn không trả được đầy đủ số tiền nợ nên ông K, bà H đã khởi kiện yêu cầu anh T, chị H phải trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H thay đổi, bổ sung yêu cầu. Theo đó, ông, bà yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật và trả lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2.1. Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 11-12-2015, lời trình bày của các đương sự, tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện bên cho vay tiền và bên vay tiền thỏa thuận nếu bên cho vay đòi tiền thì báo cho bên vay biết trước 01 tháng. Trong quá trình

thực hiện hợp đồng vay tài sản, tháng 6-2017 bên cho vay tiền là ông K và bà H đã đòi anh T và chị H trả số tiền cho vay nhưng anh T, chị H không có khả năng trả nợ. Vì thế, ông K, bà H đã làm đơn đề nghị công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định giải quyết. Việc ông K, bà H làm đơn đề nghị công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định giải quyết được xem là hình thức thông báo cho anh T, chị H để yêu cầu việc đòi tiền cho vay. Như vậy, xác định anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo thỏa thuận của hợp đồng vay tài sản thì thời điểm anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ được tính là từ ngày 01-8-2017. Căn cứ Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự, thời điểm 01-8-2017 được xác định là thời điểm đến hạn bên vay trả nợ không đầy đủ.

Từ tháng 01-2016 đến hết tháng 7-2017 anh T, chị H đã trả ông K, bà H tổng số tiền là 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Do xác định giấy vay tiền ngày 11-12-2015 là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi nên số tiền đã trả trên được tính là số tiền nợ gốc anh T, chị H đã trả cho ông K, bà H. Như vậy, số tiền nợ gốc anh T, chị H còn nợ ông K, bà H tính đến hết tháng 7-2017 là: 1.500.000.000 đồng – 245.000.000 đồng = 1.255.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

#### 2.2.2. Về yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả của nguyên đơn:

Ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H yêu cầu anh Nguyễn Trọng T và chị Trần Thị Thu H phải trả lãi theo quy định của pháp luật và thời điểm trả lãi là từ ngày 01-8-2017 đến ngày 31-7-2018.

Căn cứ khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, bà H: Buộc anh T, chị H phải trả lãi trên số tiền chậm trả. Thời điểm trả lãi là từ ngày 01-8-2017 đến ngày 31-7-2018.

Số tiền anh T, chị H đã trả cho ông K, bà H từ tháng 8-2017 đến tháng 5-2018 sẽ được khấu trừ vào số tiền lãi phải trả. Trong trường hợp nếu số tiền đã trả nhiều hơn số tiền lãi phải trả thì được tính để trả vào tiền nợ gốc.

Số tiền lãi anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H phải trả cho ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H từ tháng 8-2017 đến tháng 7-2018 là:

$1.255.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 12 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 125.500.000 \text{ đồng}$  (một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Số tiền anh T, chị H đã trả cho ông K, bà H từ tháng 8-2017 đến tháng 5-2018 là 107.000.000 đồng (một trăm linh bảy triệu đồng).

Đổi trừ, số tiền lãi từ tháng 8-2017 đến tháng 7-2018 anh T, chị H còn trả thiếu và có nghĩa vụ phải trả cho ông K, bà H là:  $125.500.000 \text{ đồng} - 107.000.000 \text{ đồng} = 18.500.000 \text{ đồng}$  (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và số tiền lãi tính đến hết tháng 7-2018, anh T, chị H phải có nghĩa vụ trả cho ông K, bà H là:

1.255.000.000 đồng + 18.500.000 đồng = 1.273.500.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng)

2.2.3. Trách nhiệm do chậm thực hiện về nghĩa vụ trong trường hợp chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 17-8-2018) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí trong vụ án được quyết định như sau:

Ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) ông, bà đã nộp được trả lại.

Anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ nên sẽ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + 3% x (1.273.500.000 – 800.000.000) = 50.205.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm linh năm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H.

Buộc anh Nguyễn Trọng T và chị Trần Thị Thu H phải trả cho ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H các khoản tiền: Số tiền nợ gốc tính đến hết tháng 7-2017 là 1.255.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu đồng); số tiền lãi còn thiếu từ tháng 8-2017 đến hết tháng 7-2018 là 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng là 1.273.500.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17-8-2018), hàng tháng anh Nguyễn Trọng T và chị Trần Thị Thu H còn phải trả lãi cho ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền còn phải thanh toán cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng T và chị Trần Thị Thu H phải nộp 50.205.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm linh năm ngàn đồng).

Trả lại ông Lê Tiến K và bà Trần Thị H 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) ông, bà đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000002 ngày 22-5-2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ông Lê Tiến K, bà Trần Thị H và anh Nguyễn Trọng T, chị Trần Thị Thu H có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mai Anh**